

## NỘI VỤ — TU PHÁP

**THÔNG TƯ số 13-TT/LB ngày 9-3-1960**  
giải thích sắc lệnh số 051-SL ngày  
14-12-1959 về vấn đề quốc tịch phụ  
nữ Việt nam lấy chồng ngoại quốc.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
BỘ TRƯỞNG BỘ TU PHÁP

Kính gửi : Ủy ban hành chính các khu, tỉnh  
và thành phố.

Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công,  
Chính phủ đã ban hành sắc lệnh số 53 ngày  
20-10-1945 quy định về quốc tịch Việt nam.

Điều 5 của sắc lệnh nói trên quy định : «Đàn bà  
«ngoại quốc lấy chồng Việt nam muốn trở nên  
«công dân Việt nam, thì lúc làm giá thú phải  
«khai ý muốn như thế».

Điều 6 của sắc lệnh ấy quy định : «Đàn bà Việt  
«nam, lấy chồng ngoại quốc thì theo quốc tịch  
«chồng, trừ khi lúc khai giá thú, người đàn bà ấy  
«xin giữ quốc tịch Việt nam».

Căn cứ vào tình hình chính trị chung hiện nay,  
Chính phủ vừa mới ban hành sắc lệnh số 051-SL  
ngày 14-12-1959 nhằm hủy bỏ hai điều 5 và 6 nói  
trên (dăng Công báo số 51 ngày 31-12-1959).

Những quy định trong sắc lệnh số 051-SL ngày  
14-12-1959 dựa trên mấy nguyên tắc căn bản  
như sau :

— Việc kết hôn với người ngoại quốc không có  
ảnh hưởng gì đến vấn đề quốc tịch, đối với người  
đàn bà, cũng như đối với người đàn ông ;

— Chỉ có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới  
có quyền xét việc xin thay đổi quốc tịch của một  
người.

Theo điều 2 của sắc lệnh số 051-SL ngày  
14-12-1959, thì người phụ nữ Việt nam lấy chồng có  
quốc tịch ngoại quốc, vẫn giữ quốc tịch Việt nam.  
Người phụ nữ Việt nam nào lấy chồng ngoại quốc  
trước ngày ban hành sắc lệnh này, muốn theo quốc  
tịch của chồng, thì trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày  
ban hành sắc lệnh, phải làm đơn xin bỏ quốc tịch  
Việt nam và phải được Chính phủ nước Việt nam  
dân chủ cộng hòa cho phép. Nếu người phụ nữ này  
hiện đang ở nước ngoài, hoặc đi xa vắng, hay bị  
ốm đau nặng, thì thời hạn 6 tháng này được chậm  
chước.

Nếu đương sự ở trong nước, thì đơn xin phải nộp  
tại Ủy ban hành chính khu, tỉnh hay thành phố,  
nơi hiện đương cư trú ; Ủy ban này sẽ chuyển đơn  
đó cùng với hồ sơ và nhận định của mình đến Bộ  
Nội vụ ; Bộ Nội vụ xét hồ sơ rồi trình lên Thủ  
tướng Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa  
quyết định.

Nếu đương sự ở ngoài nước, thì đơn đó sẽ gửi  
đến cơ quan đại diện của ta ở nước họ đương cư  
trú, để cơ quan này chuyển về nước cùng với hồ sơ

và nhận định. Trong trường hợp ở nước họ cư trú  
chưa có cơ quan đại diện của ta, thì đương sự gửi  
thăng đơn về Bộ Nội vụ.

Còn đối với phụ nữ ngoại quốc lấy chồng Việt  
nam, họ vẫn giữ quốc tịch của họ. Nếu họ muốn  
theo quốc tịch của chồng, thì họ phải làm đơn xin  
nhập quốc tịch Việt nam. Cách nộp đơn và xét đơn  
cũng theo thủ tục quy định ở trên. Khi xét đơn,  
Chính phủ có thể chiếu cố đến việc họ có chồng  
Việt nam mà chậm chước cho họ về những điều  
kiện phải có đã ghi trong sắc lệnh số 73-SL ngày  
7-12-1945.

Hà nội, ngày 9 tháng 3 năm 1960

Bộ trưởng  
Bộ Tư pháp  
VŨ ĐÌNH HOÈ

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ  
Thư trưởng  
TÔ QUANG ĐÀU

## CÁC BỘ

## BỘ GIÁO DỤC

**QUYẾT ĐỊNH số 131-QĐ ngày 12-3-1960**  
sửa đổi nghị định số 168-NĐ ngày 25-3-  
1959 ấn định thẻ lệ kỳ thi hết cấp 1  
Trường phổ thông.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ nghị định số 168-NĐ ngày 25-3-1959 ấn định thẻ  
lệ kỳ thi hết cấp 1 Trường phổ thông ;  
Theo đề nghị của ông Giám đốc Vụ Giáo dục phổ thông ;

## QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Điều 15 của nghị định số 168-NĐ ngày  
25-3-1959 về thẻ lệ kỳ thi hết cấp 1 Trường phổ  
thông nay sửa đổi lại như sau :

«Điều 15 (mới). — Các bài thi viết gồm có :

Thời gian (không kể thi  
giờ để chép đề thi)

- |   |           |
|---|-----------|
| 1. Tập làm văn . . . . .  | 45 phút   |
| 2. Toán gồm 1 bài tính đồ và<br>2 câu hỏi (1 về số học và 1<br>về mét hệ hay hình học). . . . .                     | 60 phút   |
| 3. Chính tả và câu hỏi (kể là<br>1 bài thi). . . . .  | 60 phút   |
| 4. Câu hỏi thường thức gồm 3<br>câu hỏi (kể là 1 bài thi) :<br>1 về lịch sử, 1 về địa lý, 1 về<br>khoa học. . . . . | 45 phút » |

Điều 2. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giáo dục,  
Giám đốc Vụ Giáo dục phổ thông, Giám đốc và  
Trưởng ty các Khu, Sở, Ty Giáo dục chịu trách  
nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 12 tháng 3 năm 1960

Bộ trưởng Bộ Giáo dục  
NGUYỄN VĂN HUYỀN